

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 3421/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp Cẩm Phả của Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh tại phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả; số 4529/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trạm vệ tinh vật liệu nổ công nghiệp của Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long; số 3804/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trạm vệ tinh vật liệu nổ công nghiệp tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long của Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Quảng Ninh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin số 657/VBMICCO-CĐĐT ngày 07/3/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 121/TTr-TNMT ngày 08/4/2024 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, địa chỉ tại số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh

Xuân, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Quảng Ninh tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long và phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Quảng Ninh tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long và phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động:

- Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101072, đăng ký lần đầu ngày 05/6/2003; đăng ký thay đổi lần 17 ngày 20/12/2021 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 0100101072.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích cơ sở:

+ Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai khoảng 5,82 ha.

+ Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả khoảng 16,76 ha.

- Tổng công suất của cơ sở khoảng 36.640 tấn/năm/ca, trong đó: Cơ sở Hòn Gai khoảng 16.800 tấn/năm/ca, cơ sở Cẩm Phả khoảng 19.840 tấn/năm/ca.

(Chi tiết thể hiện tại Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Dự án của UBND tỉnh được phê duyệt theo thẩm quyền).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Cẩm Phả, UBND thành phố Hạ Long, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày 24/1/2024 đến ngày 24/1/2034), nhưng không vượt thời hạn hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật.

Giấy phép môi trường thành phần gồm: (1) Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 3877/GXN-TNMT ngày 27/12/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường, (2) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3960/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh, (3) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3334/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Cẩm Phả, UBND thành phố Hạ Long và các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu và các nội dung bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được duyệt.

- UBND thành phố Cẩm Phả, UBND thành phố Hạ Long chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh trong việc giám sát quá trình hoạt động

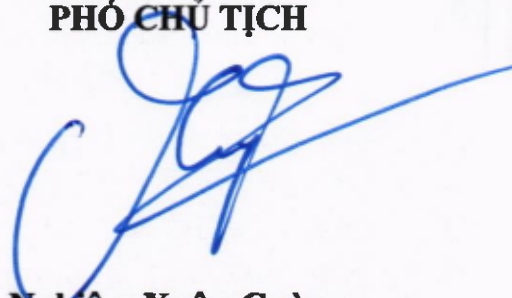
dự án bảo đảm quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Cẩm Phả; Chủ tịch UBND thành phố Hạ Long; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ-Vinacomin và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công TTĐT Sở TN&MT (đăng tải);
- V0, V1-3, MT;
- Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 91

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nghiêm Xuân Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1222/GPMT-UBND ngày 24 / 4 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

- Nguồn số 01: Nước thải công nghiệp (nước vệ sinh sàn nhà, rửa tay chân công nhân sau ca làm việc) từ phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động nấu ăn khu nhà ăn công nghiệp.

- Nguồn số 03: Nước thải xí tiêu, thoát sàn của nhà vệ sinh khu nhà văn phòng, khu nhà ăn công nghiệp.

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động nấu ăn khu nhà ăn công nghiệp.

- Nguồn số 05: Nước thải xí tiêu, thoát sàn của nhà vệ sinh khu nhà văn phòng, khu nhà ăn công nghiệp.

- Nguồn số 06: Nước thải công nghiệp (nước vệ sinh sàn nhà, rửa tay chân công nhân sau ca làm việc) từ phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO, đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm thuộc cơ sở sản xuất thuốc nổ nhũ tương Cẩm Phả.

- Nguồn số 07: Nước thải công nghiệp khu cầu rửa xe.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

2.1.1 Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Bắc Bàng Danh (chảy về hạ lưu sông Diên Vọng (phía dưới đập Đá Bạc)) tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2.1.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Suối Bắc Bàng Danh tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Tọa độ vị trí xả thải:

+ Cửa xả nước thải công nghiệp từ phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO,

CX1: X= 2322544; Y= 436200.

+ Cửa xả nước thải sinh hoạt khu nhà văn phòng, CX2: X= 2322549; Y= 436260.

+ Cửa xả nước thải sinh hoạt khu nhà ăn công nghiệp, CX3: X= 2322659; Y= 436343.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $28 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sinh hoạt: $18 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải công nghiệp: $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.1.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải công nghiệp từ phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO sau xử lý, tự chảy theo đường ống nhựa ngầm về suối Bắc Bàng Danh, thuộc phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nước thải sinh hoạt khu nhà văn phòng sau xử lý, tự chảy theo đường ống nhựa ngầm về suối Bắc Bàng Danh, thuộc phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nước thải nước thải sinh hoạt khu nhà ăn công nghiệp sau xử lý, tự chảy theo đường ống nhựa ngầm về suối Bắc Bàng Danh, thuộc phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.1.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Liên tục, 24 giờ/ngày.

- Nước thải công nghiệp: Xả không liên tục.

2.1.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, trong đó nước thải công nghiệp phải đạt Quy chuẩn QCVN 3:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (cột B), giá trị C, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$, $K_{QN}=0,95$; Nước thải sinh hoạt phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, $K=1,2$) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCĐP 3:2020/QN	QCVN 14:2008/BTNMT		
1	Màu	Pt/Co	150	-	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên
2	pH	-	5,5 đến 9	5 đến 9		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	51,3	60		
4	COD	mg/l	153,9	-		
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	102,6	120		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCĐP 3:2020/QN	QCVN 14:2008/BTNMT		
6	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	-	1.200	Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)	tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).
7	Asen (As)	mg/l	0,1026	-		
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01026	-		
9	Chì (Pb)	mg/l	0,513	-		
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,1026	-		
11	Mangan	mg/l	0,99	-		
12	Crom (VI)	mg/l	0,099	-		
13	Crom (III)	mg/l	0,99	-		
14	Sắt	mg/l	4,95	-		
15	Tổng Xianua	mg/l	0,099	-		
16	Florua	mg/l	9,9	-		
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,26	-		
18	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	-	24		
19	Sunfua	mg/l	0,513	4,8		
20	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,26	12		
21	Nitrat	mg/l	-	60		
22	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	41,04	-		
23	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6,156	-		
24	Phosphat	mg/l	-	12		
25	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	-	12		
26	Coliform	VK/100m l	5.000	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện giám sát môi trường định kỳ tại các cửa xả nước thải sau xử lý; tần suất: 03 tháng/lần để tự kiểm soát công tác bảo vệ môi trường.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định)

2.2. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

2.2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Khe Chàm (chảy về sông Mông Dương) tại khu 13, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng

Ninh.

2.2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Tại Suối Khe Chàm, khu 13, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh:

- Tọa độ vị trí xả thải:

+ Cửa xả nước thải sinh hoạt khu nhà ăn, khu nhà văn phòng, CX4: X= 2328998; Y= 452861.

+ Cửa xả nước thải công nghiệp khu cầu rửa xe, CX5: X= 2328854; Y= 452898.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sinh hoạt: $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải công nghiệp: $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt khu nhà ăn, khu nhà văn phòng sau xử lý, tự chảy theo đường ống nhựa ngầm về suối Khe Chàm, thuộc khu 13, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Nước thải công nghiệp khu cầu rửa xe sau xử lý, tự chảy theo đường ống nhựa ngầm về suối Khe Chàm, thuộc khu 13, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Liên tục, 24 giờ/ngày.

- Nước thải công nghiệp: Xả không liên tục.

2.2.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, trong đó nước thải công nghiệp phải đạt Quy chuẩn QCVN 3:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (cột B), giá trị C, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$, $K_{QN}=0,95$; Nước thải sinh hoạt phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, $K=1,2$) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 3:2020/QN	QCVN 14:2008/BTNMT		
1	Nhiệt độ	°C	40	-	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ (theo quy	Không
2	Màu	Pt/Co	150	-		thuộc đối tượng
3	pH	-	5,5 đến 9	5 đến 9		quan trắc phải
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	51,3	60		quan trắc
5	COD	mg/l	153,9	-		nước thải tự

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCDP 3:2020/QN	QCVN 14:2008/BTNMT		
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	102,6	120	định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)	động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).
7	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	-	1.200		
8	Asen (As)	mg/l	0,1026	-		
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01026	-		
10	Chì (Pb)	mg/l	0,513	-		
11	Cadimi (Cd)	mg/l	0,1026	-		
12	Tổng phenol	mg/l	0,513	-		
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,26	-		
14	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	-	24		
15	Sunfua	mg/l	0,513	4,8		
16	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,26	12		
17	Nitrat	mg/l	-	60		
18	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	41,04	-		
19	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6,156	-		
20	Phosphat	mg/l	-	12		
21	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	-	12		
22	Clorua	mg/l	1.026	-		
23	Coliform	VK/100ml	5.000	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện giám sát môi trường định kỳ tại các cửa xả nước thải sau xử lý; tần suất: 03 tháng/lần để tự kiểm soát công tác bảo vệ môi trường.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa

về hệ thống xử lý nước thải:

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

+ Nước thải sinh hoạt khu nhà văn phòng (bao gồm nước xí tiểu, nước vệ sinh sàn) được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn, sau đó, được thu gom về bể khử trùng và tự chảy ra ngoài môi trường bằng ống nhựa ngầm.

+ Nước thải xí tiểu khu nhà ăn công nghiệp, được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn, sau đó, được thu gom cùng nước thải từ hoạt động nấu ăn về bể xử lý nước thải nhà ăn công nghiệp. Toàn bộ nước thải phát sinh khu vực nhà ăn công nghiệp sau khi xử lý tại bể xử lý nước thải nhà ăn công nghiệp được thu gom về bể khử trùng và tự chảy ra ngoài môi trường bằng ống nhựa ngầm.

+ Nước thải công nghiệp được thu gom về trạm xử lý nước thải công nghiệp công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ bằng đường ống nhựa ngầm.

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động nấu ăn, nước thoát sàn, nước thải vệ sinh xí tiểu khu nhà ăn công nghiệp được thu gom vào hố lắng, sau đó thu gom về bể tự hoại 03 ngăn và đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt có công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ và tự chảy ra môi trường bằng ống nhựa ngầm.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu nhà văn phòng (nước thải xí tiểu, nước thoát sàn) được thu gom vào hố lắng, sau đó, đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt có công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và thải ra môi trường bằng ống nhựa ngầm.

+ Nước thải từ hoạt động rửa xe được thu gom bằng hệ thống máng thu về bể xử lý nước thải cầu rửa xe, sau đó, được xả ra suối Khe Chàm.

+ Nước thải công nghiệp (nước vệ sinh sàn nhà, rửa tay chân công nhân sau ca làm việc) khu sản xuất thuốc nổ được thu gom bằng hệ thống thu về bể tập trung. Nước thải sau bể tập trung được đưa về bể AEROTEN và thu gom đầu nổi về trạm xử lý nước thải tập trung công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ thuộc cơ sở sản xuất thuốc nổ nhũ tương Cẩm Phả bằng đường ống nhựa ngầm.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyển báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

1.2.1.1. Bể tự hoại 03 ngăn: 02 bể, xây ngầm.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → ngăn chứa (vi sinh vật phân hủy chất thải thành bùn) → ngăn lọc (lọc các chất thải lơ lửng) → ngăn lắng (lắng chất thải không thể phân hủy được) → nước thải sau xử lý sơ bộ.

- Công suất thiết kế: 01 bể dung tích 10 m^3 , 01 bể dung tích $6,5 \text{ m}^3$.

1.2.1.2. Bể xử lý nước thải nhà ăn công nghiệp: 01 bể, xây ngầm.

- Quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn thu dầu (thu gom dầu nổi trên bề mặt) → Ngăn chứa (lắng các chất lơ lửng) → Ngăn lắng cát (lắng lọc nước thải) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 10m^3 .

- Công nghệ: Lắng trọng lực.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Thảm thấm dầu (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh chất ô nhiễm quy định tại mục 2.1.3.3 phần A, phụ lục này).

1.2.1.3. Trạm xử lý nước thải công nghiệp công suất 10m^3 /ngày đêm: Xây nổi.

- Quy trình công nghệ: Nước thải → Bể trung gian → Thiết bị Aeroten với bùn hoạt tính → Thiết bị lắng bậc 1 → Lọc 03 lớp → Bãi tưới sinh học → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 10 m^3 /ngày đêm.

- Công nghệ: Hóa lý kết hợp sinh học.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính dạng trấu, cát hạt to, Clo dạng hạt, hóa chất keo tụ, thảm thấm dầu, chất tẩy dầu loang AT 5000 LD, cỏ ventiver (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh chất ô nhiễm quy định tại mục 2.1.3.3 phần A, phụ lục này).

1.2.2. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

1.2.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn: 01 bể, xây ngầm.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa (vi sinh vật phân hủy chất thải thành bùn) → Ngăn lọc (lọc các chất thải lơ lửng) → Ngăn lắng (lắng chất thải không thể phân hủy được) → Nước thải sau xử lý sơ bộ.

- Công suất thiết kế: 17 m^3 .

1.2.2.2. Bể xử lý nước thải cầu rửa xe

- Quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn thu dầu (thu gom dầu nổi trên bề mặt) → Ngăn chứa (lắng các chất lơ lửng) → Ngăn lắng cát (lắng lọc nước thải) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: Dung tích 6m^3 .

- Công nghệ: Lắng trọng lực.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Thảm thấm dầu (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh chất ô nhiễm quy định tại mục 2.2.3.3 phần A, phụ lục này).

1.2.2.3. Bể tập trung: 01 bể, xây nổi

- Công suất thiết kế: 6m^3

- Công nghệ: Lắng trọng lực.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Thảm thảm dầu (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh chất ô nhiễm quy định tại mục 2.2.3.3 phần A, phụ lục này).

1.2.2.4. Bể Aeroten: 01 bể, xây nổi

- Công suất thiết kế: 10 m³.

- Công nghệ: Nước thải → Máy thổi khí và đảo trộn (duy trì Oxi nuôi vi sinh vật) → Bổ sung hóa chất PAC (chất trợ lắng) → Lắng cặn (lắng các chất lơ lửng) → Nước thải sau xử lý → Đầu nổi về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm thuộc cơ sở sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh chất ô nhiễm quy định tại mục 2.2.3.3 phần A, phụ lục này).

1.2.2.5. Trạm xử lý nước thải sinh hoạt: Xây nổi

- Quy trình công nghệ: Nước thải → Bể chứa nước thải 3 ngăn → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.

- Công nghệ: Hóa lý.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Thảm thảm dầu, PAC, Clo (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh chất ô nhiễm quy định tại mục 2.2.3.3 phần A, phụ lục này).

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, nạo vét, gia cố, cải tạo hệ thống thu, thoát nước, đường ống công nghệ, thiết bị, các bể xử lý đảm bảo công năng hiện có và hiệu quả xử lý của công trình, không để xảy ra tình trạng rò rỉ, ngấm nước thải, tránh tình trạng tắc nghẽn, chảy tràn ra ngoài môi trường, kịp thời ứng phó khi xảy ra sự cố. Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống.

- Thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải về chương trình vận hành và bảo dưỡng của trạm.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải không đạt yêu cầu, nước thải đầu ra sẽ được lưu chứa tại bể điều hòa. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải. Định kỳ, tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu chính của nước thải tại đầu ra để theo dõi các hoạt động của các công trình xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của các công trình xử lý nước thải.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải và tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố với tần suất 02 năm/lần theo quy định.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định)

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ.

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào, nước thải đầu ra sau bể khử trùng của trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: quy định về giá trị giới hạn cho phép chất ô nhiễm của nước thải sinh hoạt tại mục 2.2.5 Phần A thuộc cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 ngày liên tục, trong giai đoạn vận hành ổn định.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.1.3.3 và 2.2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và thường xuyên nạo vét, kiểm tra hệ thống thu, thoát, xử lý nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố. Điểm xả phải

thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải, lắp đặt biển báo. Nghiêm cấm mọi hành vi xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành ra môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.1.3.3 và 2.2.3.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, có hiệu quả các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của cơ sở.

3.3. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở.

3.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành các công trình thu gom, xử lý, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở./.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1222/GPMT-UBND ngày 27 / 7 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất tại phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO cơ sở sản xuất vật liệu nổ khu vực Hòn Gai.
- Nguồn số 02: Hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất tại phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO cơ sở sản xuất vật liệu nổ khu vực Cẩm Phả.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:
 - + Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO tại cơ sở sản xuất vật liệu nổ khu vực Hòn Gai. Tọa độ: X= 23223421; Y= 436259.
 - + Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO tại cơ sở sản xuất vật liệu nổ khu vực Cẩm Phả. Tọa độ: X= 2329210; Y= 452860.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung (dB)		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị (kiểm tra độ mòn chi tiết, tra dầu, mỡ, vệ sinh...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Nền bê máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc. Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chấn được lắp đặt tại chân của máy móc, thiết bị.

- Trang bị các thiết bị chống ồn chuyên dụng cho cán bộ làm việc.

- Điều tiết lượng xe ra vào để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn. Tắt các phương tiện khi không sử dụng. Sử dụng các phương tiện được đăng kiểm và kiểm tra định kỳ. Chạy đúng tốc độ và trọng tải quy định của xe

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định)

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1222/GPMT-UBND ngày 24 / 4 /2024
của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	0,5
2	Các loại dầu thủy lực thải khác	Lỏng	17 01 07	150,0
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	1000
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	100
5	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	100
6	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 01 02	150
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	18 01 02	500
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	18 01 03	500
9	Các chi tiết, bộ phận phanh có amiăng	Rắn	15 01 06	1,0
10	Chất thải lẫn dầu (gioăng phốt dín dầu, ống thủy lực)	Rắn	19 07 01	100
11	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	25
Tổng khối lượng				2.626,5

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1,5

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
2	Các loại dầu thủy lực thải khác	Lỏng	17 01 07	350,0
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	500
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	200
5	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	200
6	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 01 02	350
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	18 01 02	19.500
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	18 01 03	4.500
9	Các chi tiết, bộ phận phanh có amiăng	Rắn	15 01 06	4,0
10	Chất thải lẫn dầu (gioăng phớt dính dầu, ống thủy lực)	Rắn	19 07 01	100
11	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	48
12	Bùn thải từ hố lắng khu vực rửa xe	Bùn	15 02 13	7.700
Tổng khối lượng				33.453,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

TT	Nhóm CTRCNTT	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải (PP, PE)	18 01 11	10.000
2	Lốp cao su	15 01 10	1.500
3	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	2.190
Tổng khối lượng			13.690

* Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

TT	Nhóm CTRCNTT	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải (PP, PE)	18 01 11	40.000
2	Lốp cao su	15 01 10	1.500
3	Bùn thải từ bể tự hoại, trạm xử	12 06 13	2.190

TT	Nhóm CTRCNTT	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
	ly nước thải sinh hoạt		
Tổng khối lượng			43.690

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân có thành phần chủ yếu là các chất vô cơ và hữu cơ như: Thức ăn thừa, giấy ăn, túi nilon, vỏ lon,...

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt Khu vực cơ sở VLNCN Hòn Gai	10
2	Chất thải rắn sinh hoạt Khu vực cơ sở VLNCN Cẩm Phả	20
Tổng khối lượng		30

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng phuy sắt có nắp đậy kín dung tích 200l/thùng, có dán mã, tên loại chất thải lưu chứa.

- Thiết bị lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 4 và khoản 5, Điều 35 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

b. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại.

+ Diện tích kho: 24 m².

+ Vị trí: sau nhà xưởng sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho khép kín, nhà khung thép hộp, vách ngăn được làm từ vật liệu không cháy và có dấu hiệu cảnh báo, mái lợp tôn, xà gồ đỡ mái khung sắt hộp, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, bên trong nhà kho bố trí gờ chống tràn dầu. Bên ngoài cửa kho có biển cảnh báo.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Kho lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng phuy sắt có nắp đậy kín dung tích 200l/thùng, có dán mã, tên loại chất thải lưu chứa.

- Thiết bị lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 4 và khoản 5, Điều 35, Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

b. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 02 kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Diện tích kho: 24 m², 56 m².

- Vị trí: Phía Tây Nam cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho khép kín, nhà khung thép hộp, vách ngăn được làm từ vật liệu không cháy và có dấu hiệu cảnh báo, mái lợp tôn, xà gồ đỡ mái khung sắt hộp, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có bố trí gờ ngăn tràn dầu trong kho. Bên ngoài cửa kho có biển cảnh báo.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Kho lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 6, Điều 35, Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.3. Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 72, Điều 83 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 68, Điều 69, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Điều 24, Điều 25, Điều 35 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 02 thùng rác bằng nhựa và 02 xe đẩy rác bằng tôn 200 lít đặt tại văn phòng và trước công ra vào cơ sở. Hàng ngày đơn vị thu gom rác thải đến vận chuyển, xử lý theo hợp đồng.

- Thiết bị lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1, Điều 26, Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

b. Kho lưu chứa: Không có.

2.2.2. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 02 thùng rác bằng nhựa và 02 xe đẩy rác bằng tôn 200 lít đặt tại văn phòng và trước cổng ra vào cơ sở. Hàng ngày đơn vị thu gom rác thải đến vận chuyển, xử lý theo hợp đồng.

- Thiết bị lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1, Điều 26, Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

b. Kho lưu chứa: Không có.

2.2.3 Thực hiện quản lý chất thải sinh hoạt theo quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 75 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Điều 24, Điều 25, Điều 26 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp:

2.3.1. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Hòn Gai:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Các bao bì mềm thải (PP,PE), lớp thải được thu gom vào kho chất thải rắn công nghiệp. Đơn vị thu gom chất thải đến vận chuyển, xử lý theo hợp đồng.

- Thiết bị, dụng cụ lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1, Điều 33, Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

b. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho lưu chứa chất thải công nghiệp của Cơ sở Xí nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh

2.3.2. Cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khu vực Cẩm Phả:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Các bao bì mềm thải (PP,PE), lớp thải được thu gom vào kho chất thải rắn công nghiệp. Đơn vị thu gom chất thải đến vận chuyển, xử lý theo hợp đồng.

- Thiết bị, dụng cụ lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1, Điều 33, Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

b. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho lưu chứa.

- Diện tích: 56 m².

- Vị trí: Cận kho chất thải nguy hại.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho khép kín, nhà khung thép hộp, vách ngăn được làm từ vật liệu không cháy và có dấu hiệu cảnh báo, mái lợp tôn BHP, xà gồ đỡ mái khung sắt hộp. Có biển tên khu vực kho lưu chứa.

- Kho phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 3, Điều 33 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường

2.3.3 Thực hiện quản lý CTR công nghiệp thông thường theo quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 81 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 65, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Điều 24, Điều 33, Điều 34 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định)

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ Môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Dự án; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới UBND phường Hà Khánh, UBND phường Mông Dương và Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hạ Long và thành phố Cẩm Phả; Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1222/GPMT-UBND ngày 27 / 4 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.
- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.
- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Dự án cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Cẩm Phả trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đảm bảo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Cẩm Phả, UBND thành phố Hạ Long để được hướng dẫn giải quyết.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.